

Số: 02/2025/QĐST-DS

Đại Từ, ngày 19 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;
Căn cứ Điều Điều 357, 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ, Điều 90, Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 11 năm 2024, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (S).

Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Văn K, Phó Tổng Giám đốc

Người được uỷ quyền lại: Ông Hà Văn M, giám đốc

Người nhận uỷ quyền của ông M: Anh Nông Văn C, sinh năm 1995;

Địa chỉ: A, H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Bị đơn: - Anh Trần Văn C1, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả khoản tiền nợ: Ngân hàng TMCP Đ (người đại diện theo uỷ quyền ông Nông Văn C) và ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Thị X nhất trí thoả thuận:

Ông C1 và bà X có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi (trong hạn và quá hạn) tính đến ngày 09/5/2025 là: **489.066.741** đồng (trong đó nợ gốc: 238.825.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 59.850.538 đồng, nợ lãi quá hạn: 190.391.203 đồng) cho Ngân hàng TMCP Đ.

2.2. Thời hạn và phương thức trả nợ: Ngân hàng TMCP Đ (người đại diện theo ủy quyền ông Nông Văn C) và ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Thị X nhất trí thỏa thuận: Ông C1, bà X có trách nhiệm thanh toán khoản nợ, số tiền: 489.066.741đ (Bốn trăm tám mươi chín nghìn không trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng), được trả làm 6 kỳ.

Cụ thể:

Kỳ 1: Từ ngày 01/6/2025 đến ngày 30/6/2025 trả số tiền 3.000.000đ/tháng;

Kỳ 2: Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/7/2025 trả số tiền 3.000.000đ/tháng;

Kỳ 3: Từ ngày 01/8/2025 đến ngày 31/8/2025 trả số tiền 3.000.000đ/tháng;

Kỳ 4: Từ ngày 01/9/2025 đến ngày 30/9/2025 trả số tiền 3.000.000đ/tháng;

Kỳ 5: Từ ngày 01/10/2025 đến ngày 30/10/2025 trả số tiền 3.000.000đ/tháng;

Kỳ 6: Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025 trả số tiền gốc và lãi (trong hạn, quá hạn) còn lại tiền gốc: 223.825.000 (Hai trăm hai mươi ba triệu tám trăm hai mươi năm nghìn) đồng; tiền lãi trong hạn: 59.850.538 (Năm mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng, tiền lãi quá hạn: 190.391.203 (Một trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi một nghìn hai trăm linh ba) đồng và số tiền còn lại đến ngày tất toán khoản vay.

Trong trường hợp ông C1 bà X vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành quyết định mà không cần chờ đến kì hạn cuối cùng.

- Về lãi suất chậm trả:

Kể từ ngày 10/5/2025, ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Thị X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về việc duy trì hợp đồng thế chấp: Ngân hàng TMCP Đ (người đại diện theo ủy quyền ông Nông Văn C) và ông C1, bà X nhất trí thỏa thuận: Tiếp tục duy trì hợp đồng Hợp đồng thế chấp tài sản của ông C1, bà X gồm:

01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: I10, số khung: S1DAHN003560MERGEFIELD "số_khung" số máy: G4LAHM512522, Biên kiểm soát: 20A-233.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035124 do Phòng C2 - Công an tỉnh T cấp ngày 05/10/2017 cho ông Trần Văn C1

Tài sản nêu trên được thế chấp cho S theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 14527003.06.10.2017/HDTC ngày 06 tháng 10 năm 2017 theo giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án.

Trong trường hợp ông C1 bà X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm trên để xử lý, thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (S) theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô hai bên đã ký kết.

Nếu số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ hoặc tài sản bảo đảm không xác minh, không kê biên được để thi hành án thì ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Thị X vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại (các) tài sản và nguồn thu khác của ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Thị X để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho S.

- **Về chi phí tố tụng:** Ngân hàng TMCP Đ (người đại diện theo ủy quyền ông Nông Văn C) và ông C1, bà X nhất trí thỏa thuận: ông C1 bà X liên đới chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền 3.000.000đ. Ngân hàng đã nộp số tiền 3.000.000đ (Ba triệu) và đã chi phí hết. Ông C1, bà X có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- **Về án phí:** Ngân hàng TMCP Đ (người đại diện theo ủy quyền ông Nông Văn C) và ông C1 bà X nhất trí thỏa thuận: Ông C1, bà X liên đới chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật 11.781.500đ (đã làm tròn số), (Bằng chữ : Mười một triệu bảy trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.244.000đ (Mười một triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn), theo biên lai thu số 0005713 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

3. Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS huyện Đại Từ;
- THADS huyện Đại Từ;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: TA, HS.

THẨM PHÁN

Đỗ Cao Vương